

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HS-ST

Ngày: 24- 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Quốc Phong

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39 ngày 12/8/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo: **Vi Quang B** - Sinh năm 1963. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu M, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam

Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Vi Quang T (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H (đã chết)

Vợ: Nguyễn Thị P; Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2002)

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê. (Có mặt)

Người bị hại: anh Nguyễn Đức T, Sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu M, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vi Quang H, Sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu M, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 28/02/2020, Vi Quang B, sinh năm 1963, cư trú tại khu M, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19Y1 – 9271 (mượn của anh Vi Quang H, sinh năm 1989 ở xã M, huyện C là con trai của bị cáo B) để đi khám bệnh từ Trung tâm y tế huyện C về nhà. Khi đi đến đoạn đường trước nhà anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985 ở khu M, xã M, huyện C, B dừng xe lại, để xe trước cửa nhà anh T và vào nhà chơi. Khi vào nhà, B gọi nhưng không có ai ở nhà, B quan sát thấy có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, bên ngoài điện thoại có ốp nhựa màu trắng đen đang cắm sạc để trên nóc tủ lạnh, nên B nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên. B rút chiếc điện thoại ra khỏi dây sạc pin, đút vào túi quần B đang mặc, rồi ra điều khiển xe mô tô đi về nhà. Sau khi đi về nhà, B tháo bỏ sim và ốp lưng điện thoại, rồi cắm sạc để trong giường ngủ của mình.

Anh Nguyễn Hữu T sau khi mất tài sản đã báo cáo công an xã M và công an huyện Cẩm Khê giải quyết.

Cơ quan CSĐT công an huyện Cẩm Khê tạm giữ tại nhà bị cáo Vi Quang B:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, 01 ốp nhựa trắng đen, 01 sim điện thoại số 0363 676 095; 01 xe mô tô biển kiểm soát 19Y1 – 9271; 01 đăng ký xe mô tô 009598, biển số đăng ký 19Y1-9271 mang tên Vi Quang H.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 28/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cẩm Khê kết luận:

- *Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus có trị giá là 2.470.000đ (Hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)*

- *01 ốp nhựa màu trắng đen, mặt sau có chữ ADIDAS có trị giá 30.000đ*

Tổng giá trị chiếc điện thoại và ốp là: 2.500.000đ.

Quá trình điều tra, bị cáo B cung cấp cho cơ quan điều tra 01 sổ điều trị tại bệnh viện tâm thần. Ngày 26/5/2020, cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định

pháp y tâm thần đối với Vi Quang B. Tại kết luận giám định số 45/KLGD của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc, kết luận:

“ 1. Vi Quang B, sinh năm 1963, trú tại khu T, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ không bị bệnh tâm thần.

2. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 28/02/2020 Vi Quang B không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

3. Hiện tại Vi Quang B đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi”

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Quang B khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Hữu T 01 chiếc điện thoại di động có đặc điểm như trên.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKSCK -HS ngày 03/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Vi Quang B về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vi Quang B phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vi Quang B từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Khấu trừ thu nhập của bị cáo 05% = 150.000đ/ tháng trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại tài sản cho anh Nguyễn Hữu T gồm 01 chiếc điện thoại kèm sim và 01 ốp điện thoại đã thu giữ; trả lại cho anh Vi Quang H 01 xe mô tô (do bà Nguyễn Thị P đại diện theo ủy quyền nhận thay).

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

+ *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vi Quang B đã thừa nhận, ngày 28/02/2020, tại nhà anh Nguyễn Hữu T ở khu M, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ, B có hành vi trộm cắp của anh T 01 chiếc điện thoại di động Iphon 6 Plus. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Vi Quang B phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự;

+ *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã ngang nhiên xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Quá trình điều tra, bị cáo có xuất trình một sổ điều trị thần kinh, tuy nhiên tại kết luận giám định và biên bản xác minh quá trình điều trị bệnh của bị cáo cho thấy bị cáo không bị tâm thần, không bị hạn chế khả năng nhận thức và được kết luận có đủ khả năng điều khiển hành vi, điều đó xác định bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, có điều kiện để nhận thức về pháp luật và hiểu biết xã hội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành

vi phạm theo quy định của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Người bị hại (anh T) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự quy định “ Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước”. Xét bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, tại phiên tòa bị cáo trình bày xác nhận có thu nhập bình quân khoảng 3.000.000đ/ tháng, phù hợp với thu nhập bình quân lao động tại địa phương nên khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành án 5% thu nhập / tháng là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ”. Qua xác minh, bị cáo không có tài sản riêng, bị cáo có thu nhập thấp. Vì vậy xét nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[3] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với vật chứng là 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus kèm 01 sim điện thoại số 0363 676 095, 01 ốp nhựa màu trắng đen: cơ quan điều tra đã giao trả lại cho anh T là phù hợp pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 19Y1 – 9271; 01 đăng ký xe mô tô 009598, biển số đăng ký 19Y1-9271 mang tên Vi Quang H: ngày 07/4/2020, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Vi Quang H (do bà Nguyễn Thị P – mẹ anh H nhận thay) là phù hợp cần được xác nhận.

Về trách nhiệm dân sự: do anh T đã nhận lại điện thoại và không có yêu cầu đề nghị gì nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 điều 173; Điều 36; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vi Quang B phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vi Quang B 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Vi Quang B cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Khấu trừ một phần thu nhập (5%) đối với bị cáo Vi Quang B với số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng để sung quỹ Nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng trong thời gian chấp hành án cho đến khi bị cáo chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. (không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định đối người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

[2] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47; Khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự; Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Cẩm Khê đã giao trả cho anh Nguyễn Hữu T 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus kèm 01 sim điện thoại số 0363 676 095, 01 ốp nhựa màu trắng đen vào ngày 16/3/2020; trả lại cho anh Vi Quang H (do bà Nguyễn Thị P được ủy quyền nhận thay) 01 xe mô tô biển kiểm soát 19Y1 – 9271, 01 đăng ký xe mô tô 009598 (biển số đăng ký 19Y1-9271) mang tên Vi Quang H vào ngày 07/4/2020 theo các biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu là hợp pháp.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Vi Quang B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Những người TGT
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự h Cẩm Khê;
- Công an huyện Cẩm Khê;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan

